

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HC-ST
Ngày: 25- 7- 2024
V/v: Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất
đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lâm Thông Lợi; bà Phạm Yên Nhi.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Trần Hữu Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST-HC ngày 08 tháng 01 năm 2024 về: “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐST-HC ngày 06 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HC ngày 28 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Người khởi kiện:** ông Lê Long B, sinh năm 1970; Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1968. Cùng cư trú: Số A đường H, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà N: Bà Nguyễn Thị Hồng N1, sinh năm 1982, cư trú: khóm H, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2024 và ngày 04/5/2024)

- **Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh An Giang. Địa chỉ: D, đường B, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Người đại diện: Ông Trang Công C – Chủ tịch UBND huyện A.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị P – Phó Chủ tịch UBND huyện A (Theo văn bản ủy quyền số 52/UQ-UBND ngày 07/3/2024)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông **Phạm Văn N2** – Trưởng **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A** (theo giấy yêu cầu số 56/GYC-UBND ngày 12/3/2024)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Trần Thị N3**, sinh năm 1972; Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1963. Cùng cư trú: **tổ C, ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang**.

*(Tại phiên tòa bà **N1**, ông **N2** có mặt, các đương sự còn lại vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 22/5 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 18/7/2023 và tại phiên tòa, người khởi kiện ông **Lê Long B**, bà **Nguyễn Thị N** và người đại diện trình bày:*

Ông bà được sử dụng phần đất có diện tích 3.638m², nguồn gốc đất là do nhận chuyển nhượng từ ông **Trần Văn Đ1** và bà **Trịnh Thị D** vào ngày 16/4/2004 và ông, bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) theo giấy số 02491/QSDĐ/cL ngày 19/5/2004, đất thuộc tờ bản đồ số 02, thửa 2388.

Khi nhận chuyển nhượng ông, bà sử dụng cho đến nay và không phát sinh tranh chấp. Tuy nhiên vào năm 2018, khi thực hiện thủ tục tặng cho QSDĐ cho con gái của mình là **Lê Ngọc Thanh T** và khi hồ sơ nộp tại Văn phòng đăng ký đất đai - **Chi nhánh A** thì nơi đây từ chối tiếp nhận hồ sơ của ông bà với lý do theo nội dung công văn số 2363/CNAP - ĐK ngày 24/12/2020: “Kiểm tra hiện trạng và đối chiếu bản đồ địa chính được biết thửa đất số 2388, tờ bản đồ số 02 thuộc giấy chứng nhận của ông **Lê Long B**, bà **Nguyễn Thị N** (nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông **Trần Văn Đ1**) thuộc thửa số 392, tờ bản đồ số 57. Rà soát cơ sở dữ liệu thì vị trí thửa số 392, tờ bản đồ số 57 đã có GCNQSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011 do Ủy ban nhân dân (UBND) **huyện A** cấp cho ông **Nguyễn Văn Đ**, bà **Trần Thị N3** (nguồn gốc nhận tặng cho từ ông **Trần Văn Đ1**). Do đó việc tặng cho QSDĐ cho con ruột là **Lê Ngọc Thanh T** không đủ cơ sở thực hiện”.

Ông bà tiếp tục khiếu nại thì vào ngày 16/12/2022, **Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện A** ban hành Phiếu hướng dẫn số 19/PT-MT-PHD với nội dung: “Để xử lý GCNQSDĐ cấp trùng vị trí thì phải thu hồi hoặc hủy GCNQSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011”.

Nhận thấy rằng, đất của mình được nhận chuyển nhượng một cách hợp pháp quá trình sử dụng không phát sinh tranh chấp và được cấp GCNQSDĐ từ năm 2004 trước khi ông **Đ**, bà **N3** được cấp giấy vào năm 2011. Tuy nhiên khi làm thủ tục tặng cho con thì không thể thực hiện được vì cơ quan chuyên môn

cho rằng cấp trùng giấy. Xét thấy do quyền và lợi ích của mình bị xâm phạm bởi Quyết định hành chính của UBND huyện A nên ông, bà yêu cầu hủy bỏ GCNQSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011 cấp cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị N3.

- Đại diện UBND huyện A: Có đơn xin vắng mặt không tham gia đối thoại, phiên tòa. Ngày 18/7/2024 Ủy ban nhân dân huyện A ban hành công văn số 927/UBND-NC trả lời cho Tòa án với nội dung:

“Ông Trần Văn Đ1 được cấp Giấy chứng nhận số 01041/oL ngày 30/11/1994 có diện tích 20.887m². Ngày 19/5/2004 chuyển nhượng cho ông Lê Long B với diện tích 3.638m² và ông Phạm Văn N4 diện tích 5.447m², diện tích còn lại của ông Trần Văn Đ1 chỉnh lý trang 04 là 11.688m²(giảm 84m² do đo đạc tính lại diện tích). Sau đó ông Trần Văn Đ1 cấp đổi Giấy chứng nhận sang hệ thống bản đồ chính quy thành 04 giấy:

1. Giấy chứng nhận số H02968 cL ngày 25/3/2008(thửa đất số, tờ 807, bản đồ số 57, diện tích 1.347m²).

2. Giấy chứng nhận số H02967 cL ngày 25/3/2008(thửa đất số 406, tờ bản đồ số 57, diện tích 4.051m²).

3. Giấy chứng nhận số H02965 cL ngày 25/3/2008(thửa đất số 390, tờ bản đồ số 57, diện tích 2.812m²).

4. Giấy chứng nhận số H02966 cL ngày 25/3/2008(thửa đất số 392, tờ bản đồ số 57, diện tích 4.187m²).

- Bốn giấy chứng nhận nêu trên tặng cho bà Trần Thị N3 và ông Nguyễn Văn Đ theo hợp đồng tặng cho QSDĐ giữa ông Trần Văn Đ1 bà Trình Thị D1 với bà Trần Thị N3, ông Nguyễn Văn Đ được UBND xã Đ (nay là thị trấn Đ) chứng thực ngày 12/5/2011 và được UBND huyện A cấp các GCNQSDĐ: số H02968cL, số H02967cL, số H02965cL, số H02966cL ngày 19/05/2011.

- Còn phần đất của ông Lê Long B và bà Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn Đ1 được cấp Giấy chứng nhận số 02491/cL ngày 19/5/2004 (thửa đất số 2388, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.688m²) đang sử dụng thực tế theo hệ thống bản đồ chính quy tại vị trí một phần thửa số 392, tờ bản đồ số 57, diện tích 4.187m²) mang tên bà Trần Thị N3 và ông Nguyễn Văn Đ.

- Việc ông Lê Long B, bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án xử hủy toàn bộ Giấy chứng nhận số H02966 cL ngày 19/5/2011 do UBND huyện A cấp cho bà Trần Thị N3, ông Nguyễn Văn Đ. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.”

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị N3*: Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Theo yêu cầu của người khởi kiện việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ được tiến hành vào ngày 26/4/2024.

Theo biên bản đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/4/2024 và Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 30/5/2024 của Công ty TNHH Đ2 thì:

- Phần đất tranh chấp là đất trống, do người dân vừa thu hoạch vụ lúa hè thu xong.

- Phần đất ở các điểm 8, 9,10,11, 21, 22, 24 ,2, 3, 4,5,6,7 có diện tích 3.513,4m² là phần đất đo đạc theo sự chỉ dẫn của ông Lê Long B thuộc GCNQSDĐ số CH02966 cấp cho bà Trần Thị N3 và ông Nguyễn Văn Đ.

Phát biểu tranh luận của các đương sự tại phiên tòa:

- *Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện bà Nguyễn Thị Hồng N1* phát biểu quan điểm: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đó là hủy bỏ GCNQSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011 do UBND huyện A đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị N3 vì việc cấp giấy này đã chồng lên phần đất của ông B, bà N3 theo Giấy chứng nhận số 02491/cL ngày 19/5/2004 có diện tích 3.638m². Việc cấp trùng này đã gây ra nhiều khó khăn cho ông B, bà N3 trong việc thực hiện quyền của người sử dụng đất, do đó cần thiết phải hủy để cấp lại cho đúng với hiện trạng thực tế sử dụng.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện ông Phạm Văn N2* vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung công văn số 927/UBND-NC ngày 18/7/2024 của UBND huyện A và sẽ chấp hành các quyết định của Tòa án, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

- Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 16/12/2022, ông, bà Lê Long B, Nguyễn Thị N nhận được Phiếu hướng dẫn của Phòng TNMT huyện A, biết được UBND huyện A cấp GCN. QSDĐ cho ông, bà Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3 trùng thửa đất GCN. QSDĐ, UBND huyện A cấp cho ông bà Lê Long B, Nguyễn Thị N, nên có đơn khởi kiện vụ án hành chính là trong thời hiệu luật định, theo Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

- Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Ông, bà **Lê Long B, Nguyễn Thị N** khởi kiện, yêu cầu hủy GCN. QSDĐ số CH02966, **UBND huyện A** cấp ngày 19/5/2011, cho ông, bà **Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3**, diện tích 4.187 m². TAND tỉnh An Giang thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, theo khoản 4 Điều 32 và Điều 125 Luật Tổ tụng hành chính

- Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán yêu cầu người bị kiện, người liên quan có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện; ra thông báo thụ lý vụ án đúng các Điều 126, 128 Luật Tổ tụng hành chính.

- Tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; tiến hành đối thoại giữa người khởi kiện và người bị kiện; lập biên bản ghi nhận đối thoại đúng các Điều 20, 137, 138 và Điều 139 Luật TTHC.

Nhưng do người bị kiện vắng mặt, nên không đối thoại được.

- Về xác định tư cách tố tụng của đương sự trong vụ án: Ông, bà **Lê Long B, Nguyễn Thị N** khởi kiện, yêu cầu hủy GCN. QSDĐ số CH02966, **UBND huyện A** cấp ngày 19/5/2011, cho ông, bà **Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3**. Tòa án xác định người bị kiện là **UBND huyện A**, có Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng **Phòng TNMT huyện A** tham gia là những người đại diện hợp pháp, đại diện ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp; những người liên quan là các ông, bà **Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3**. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng trên là đúng các Điều 3, 53 Luật Tổ tụng hành chính .

- Thẩm phán đã tổng đạt, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, cơ quan, tổ chức và chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng các Điều 126, 136, 146 và Điều 147 Luật Tổ tụng hành chính.

- Ngày 08/01/2024, thụ lý vụ án; ngày 06/6/2024, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định ngày mở phiên tòa vào ngày 28/6/2024; hồ sơ vụ án không thủ tục gia hạn thời hạn giải quyết vụ án. Như vậy là quá thời hạn giải quyết vụ án (04 tháng; trễ thời hạn 28 ngày), theo khoản 1 Điều 130 Luật Tổ tụng hành chính.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa

Thẩm phán được phân công chấp hành đúng pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định Luật Tổ tụng hành chính, về việc xét xử sơ thẩm vụ án hành chính.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ, theo các Điều 9, 10, từ Điều 55 đến Điều 58, Điều 83, từ 115 đến Điều 119, Điều 128 Luật Tố tụng hành chính.

Riêng, trường hợp người bị kiện UBND huyện A, tỉnh An Giang vắng mặt, không tham gia đối thoại là chấp hành chưa nghiêm Điều 55 Luật Tố tụng hành chính.

Về việc giải quyết vụ án

Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2023, bổ sung đơn khởi kiện ngày 18/7/2023 và các tài liệu liên quan, người khởi kiện ông, bà Lê Long B, Nguyễn Thị N, cùng trình bày: Các ông, bà Lê Long B, Nguyễn Thị N khởi kiện đến TAND tỉnh An Giang, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN. QSSĐ) số CH02966 ngày 25/3/2008 (ngày 19/5/2011), do UBND huyện A, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị N3; thửa đất số 392, tờ bản đồ số 57, diện tích 4.187 m²; đất trồng lúa, tọa lạc thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang; do trùng thửa GCN. QSSĐ số 0249/cL ngày 19/5/2004, UBND huyện A cấp cho ông, bà Lê Long B, Nguyễn Thị N, diện tích 3.546 m², GCN. QSSĐ là 3.638 m² (trùng số thửa 392, tờ bản đồ số 57, tọa lạc khóm P, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang).

Lý do: Nguồn gốc đất, ngày 16/4/2004, ông, bà Lê Long B, Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng của ông, bà Trần Văn Đ1, Trịnh Thị D đứng tên GCN. QSSĐ số 01041QSDĐ ngày 03/11/1994, diện tích 3.638 m², thực hiện đúng quy định và được UBND huyện A cấp GCN. QSSĐ số 02491/QSDĐcL ngày 19/5/2004, thửa số 2388, tờ bản đồ số 02; đã sử dụng liên tục đến nay. Ngày 21/7/2018, ông, bà B, N lập thủ tục chuyển nhượng diện tích đất này cho bà Lê Ngọc Thanh T (con gái ruột), nhưng không được giải quyết. Đã khiếu nại nhiều lần, đến tháng 12/2020, nhận được Văn bản số 2363/CNAP-ĐK ngày 24/12/2020 của Văn phòng Đ3, Chi nhánh huyện A hoàn trả hồ sơ, ghi nhận: *Kiểm tra hiện trạng và đối chiếu bản đồ địa chính, được biết, thửa đất số 2388, tờ bản đồ số 02, thuộc GCN của ông, bà Lê Long B, Nguyễn Thị N (nguồn gốc nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Đ1), thuộc thửa đất số 392, tờ bản đồ số 57. Rà soát cơ sở dữ liệu, vị trí thửa đất số 392, tờ bản đồ số 57 đã có GCN. QSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011, UBND huyện A cấp cho ông, bà Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3 (nhận tặng cho, từ ông Đ1). Do đó, việc tặng cho QSDĐ cho con ruột Lê Ngọc Thanh T không đủ cơ sở thực hiện.*

Từ đó, tiếp tục khiếu nại, ngày 19/12/2022, Phòng TNMT huyện A ra Phiếu hướng dẫn số 19/PTNMT-PHD, nội dung: *Để xử lý GCN. QSDĐ cấp trùng vị trí, thì phải thu hồi hoặc hủy GCN. QSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011.*

Do đó, ông, bà **Lê Long B, Nguyễn Thị N** làm đơn khởi kiện vụ án, yêu cầu hủy toàn bộ GCN. QSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011, **UBND huyện A** cấp cho ông, bà **Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3**.

Căn cứ và lý do yêu cầu khởi kiện: **UBND huyện A**, tỉnh An Giang cấp GCN. QSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011 cho ông, bà **Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3** trùng thửa đất theo GCN. QSDĐ số 02491, do **UBND huyện A** cấp ngày 19/5/2004 cho ông, bà **Lê Long B** và **Nguyễn Thị N**.

Biên bản đo đạc, thẩm định, xem xét tại chỗ, do TAND tỉnh An Giang tiến hành ngày 26/4/2024, ghi nhận: Như nội dung trình bày của người khởi kiện ông, bà **Lê Long B, Nguyễn Thị N**, xác định **UBND huyện A** cấp GCN. QSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011 cho ông, bà **Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3**, diện tích 4.187 m², trùng thửa GCN. QSDĐ số 0249/cL ngày 19/5/2004, **UBND huyện A** cấp cho ông, bà **Lê Long B, Nguyễn Thị N**, diện tích 3.546 m², theo GCN. QSDĐ là 3.638 m² (trùng số thửa 392, bản đồ số 57).

Các Biên bản xác minh, ghi nhận như nội dung vụ án.

Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, lời trình bày của người khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ kèm theo, có cơ sở xác định: Ông, bà **Lê Long B, Nguyễn Thị N** nhận chuyển nhượng QSD đất trước (năm 2004) và ông, bà **Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3** nhận tặng cho đất sau (năm 2011), cùng chủ sử dụng đất ông bà **Trần Văn Đ1, Trịnh Thị D**.

Khi nhận hồ sơ đăng ký cấp GCN. QSDĐ, **UBND huyện A** đã cấp cho ông, bà **Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3** GCN. QSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011, trùng thửa với GCN. QSDĐ số 0249/cL ngày 19/5/2004, do **UBND huyện A**, đã cấp năm 2004, cho ông, bà **Lê Long B, Nguyễn Thị N**, diện tích 3.546 m², GCN. QSDĐ 3.638 m² (trùng số thửa 392, bản đồ số 57); đất tọa lạc **khóm P, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang**.

Như vậy, ông, bà **Lê Long B, Nguyễn Thị N** khởi kiện, yêu cầu hủy GCN. QSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011, **UBND huyện A**, tỉnh An Giang cấp cho ông, bà **Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3** là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật TTHC, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm TAND tỉnh An Giang, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, bà **Lê Long B, Nguyễn Thị N**; hủy GCN. QSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011, **UBND huyện A**, tỉnh An Giang cấp cho ông, bà **Nguyễn Văn Đ,**

Trần Thị N3, diện tích 3.546 m²; đất tọa lạc khóm P, thị trấn Đ, huyện A, tỉnh An Giang; lý do cấp GCN. QSDĐ trùng thửa.

Các ông, bà Lê Long B, Nguyễn Thị N và Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3 liên hệ UBND huyện A, tỉnh An Giang, để yêu cầu xem xét, giải quyết cấp lại GCN. QSDĐ đúng vị trí quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ lần hai nhưng Chủ tịch UBND huyện A và người đại diện vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên được chấp nhận.

Ông Đ, bà Trần Thị N3 vắng mặt không có lý do. Do đó việc xét xử được tiến hành theo thủ tục chung.

Về tư cách người tham gia tố tụng: Trong vụ án này ông Lê Long B, bà Nguyễn Thị N khởi kiện UBND huyện A nên xác định ông Lê Long B, bà Nguyễn Thị N là người khởi kiện, UBND huyện A là người bị kiện. Do việc giải quyết vụ án sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các ông, bà Nguyễn Văn Đ, Trần Thị N3 với tư cách là những người được cấp GCNQSDĐ nên các ông, bà cũng sẽ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án: Trong đơn khởi kiện và tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông Lê Long B, bà Nguyễn Thị N yêu cầu hủy bỏ GCNQSDĐ số CH02966 ngày 19/5/2011 cấp cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị N3.

Hội đồng xét xử xét thấy: ông Lê Long B, bà Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng QSDĐ từ ông Trần Văn Đ1 và bà Trịnh Thị D vào ngày 16/4/2004 và ông, bà đã được cấp GCNQSDĐ theo giấy số 02491/QSDĐ/cL ngày 19/5/2004, đất thuộc tờ bản đồ số 02, thửa 2388, diện tích 3.638m².

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị N3 cũng được ông Trần Văn Đ1 và bà Trịnh Thị D tặng cho QSDĐ (bà Trần Thị N3 là con ruột của ông Trần Văn Đ1), ông Đ, bà Trần Thị N3 được cấp GCNQSDĐ thửa số 392, tờ bản đồ số 57 theo giấy số CH02966 ngày 19/5/2011 diện tích 4.187m².

Theo Bản đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 30/5/2024 của Công ty TNHH Đ2 thì:

Phần đất ở các điểm 8, 9,10,11, 21, 22, 24 ,2, 3, 4,5,6,7 có diện tích 3.513,4m² là phần đất đo đạc theo sự chỉ dẫn của ông Lê Long B và ông cũng đang sử dụng phần đất này, thuộc GCNQSDĐ số CH02966 cấp cho bà Trần Thị N3 và ông Nguyễn Văn Đ.

Điều đó cũng đồng nghĩa rằng trong cùng một diện tích đất mà có 02 GCNQSDĐ đang cùng song song tồn tại. Trong đó ông Lê Long B, bà Nguyễn Thị N được cấp GCNQSDĐ năm 2004, ông Đ, bà Trần Thị N3 được cấp giấy năm 2011, nghĩa rằng ông B, bà Nguyễn Thị N được cấp giấy trước ông Đ, bà Trần Thị N3.

Trên thực địa thì Lê Long B, bà Nguyễn Thị N cũng đang sử dụng phần đất của mình mà không ai tranh chấp.

Các cơ quan chuyên môn như Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ3 chi nhánh A, Phòng tài nguyên và môi trường huyện A cũng đã thừa nhận việc cấp trùng giấy này và đã ban hành văn bản hướng dẫn cho ông Lê Long B, bà Nguyễn Thị N khởi kiện ra Tòa án yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị N3.

Xét thấy việc UBND huyện A đã cấp hai GCNQSDĐ trên cùng một diện tích đất trong đó xác định việc cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị N3 đã chồng lấn lên phần lớn diện tích đất của ông Lê Long B, bà Nguyễn Thị N 3.513,4m²/ 3.638m².

Tại công văn số 927/UBND-NC trả lời cho Tòa án, UBND huyện A cũng đã thừa nhận: “Còn phần đất của ông Lê Long B và bà Nguyễn Thị N nhận chuyển nhượng từ ông Trần Văn Đ1 được cấp Giấy chứng nhận số 02491/cL ngày 19/5/2004 (thửa đất số 2388, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.688m²) đang sử dụng thực tế theo hệ thống bản đồ chính quy tại vị trí một phần thửa số 392, tờ bản đồ số 57, diện tích 4.187m²) mang tên bà Trần Thị N3 và ông Nguyễn Văn Đ”.

Xét thấy việc UBND huyện A cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị N3 là không đúng và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Long B, bà Nguyễn Thị N.

Từ những căn cứ như đã nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Long B và bà Nguyễn Thị N hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị N3, để nơi đây cấp lại GCNQSDĐ cho đúng với thực tế mà các bên đang sử dụng hiện nay, để họ được thực hiện các quyền của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà Nguyễn Thị N đã tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng mà không yêu cầu UBND huyện A phải hoàn trả lại, do đó Hội đồng xét xử sẽ không xem xét giải quyết trong phần quyết định.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện của ông B, bà Nguyễn Thị N được chấp nhận nên UBND huyện A phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ông B, bà Nguyễn Thị N không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 157, Điều 158, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Long B và bà Nguyễn Thị N.

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02966 ngày 19/5/2011 do Ủy ban nhân dân huyện A cấp cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị N3.

- Giao cho Ủy ban nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng hiện trạng thực tế sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị N3.

2. Về án phí:

- Ủy ban nhân dân huyện A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

- Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang hoàn lại cho ông Lê Long B, bà Nguyễn Thị N 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000048 ngày 25/12/2023.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/7/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh AG;
- Cục THA tỉnh AG;
- Tòa Hành chính;
- VP Tòa án tỉnh AG;
- Phòng KTNV & THA;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Hoàng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

